

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2025/DS-PT

Ngày : 22 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2025/TLPT - DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc: Tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Mạc Thị Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: số B, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là: số B, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Phạm Anh T1 là Luật sư văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Bị đơn:* chị Mạc Thị Thanh T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: số D, khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là: số 46, khóm E, xã L, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Hoàng T3 là Luật sư Văn phòng luật sư Trần Bá T4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* cháu Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 20/9/2008.

Người giám hộ của Huỳnh Ngọc N: ông Huỳnh Văn Á, sinh năm 1951 (là ông nội của cháu N)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Mạc Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Mạc Thị Thanh T trình bày:

Cụ Mạc Tấn T5, sinh năm 1956, chết ngày 24/12/2021 và cụ Nguyễn Thị T6, sinh năm 1950, chết ngày 11/3/2013. Cụ T5 và cụ T6 có 03 người con chung, gồm: Mạc Thị Thanh L, sinh năm 1982, chết ngày 22/6/2020; Mạc Thị Thanh T là nguyên đơn; Mạc Thị Thanh T2 là bị đơn. Cụ T5 và cụ T6 không con riêng, không con nuôi. Chị L có chồng là Huỳnh Tấn T7, sinh năm 1978, chết ngày 22/01/2021. Chị L và anh T7 có duy nhất một người con chung là Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 20/8/2008, hiện đang sống chung với ông nội là Huỳnh Văn Á. Chị L không con riêng, không con nuôi. Cụ T5 và cụ T6 chết không để lại di chúc. Cụ T5 và cụ T6 để lại di sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 62,4m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất 192 do hộ bà Nguyễn Thị T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AG 547653, số vào sổ H 4708, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 11/9/2006. Năm 2005 cụ T5 và cụ T6 có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 192, giá trị hiện tại khoảng 60.000.000 đồng. Nhà và đất hiện nay do chị T2 quản lý. Chị T2 không cho chị T vào nhà nhen khói cho cụ T5 và cụ T6. Chị T và chị T2 không thương lượng được quản lý di sản, nên chị T khởi kiện yêu cầu chị T2 chia di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Cụ thể, chị T yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa đất 192 và căn nhà gắn liền thành 03 kỷ phần. Chị T yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất thửa 192 và căn nhà gắn liền. Chị T sẽ chia giá trị quyền sử dụng đất và giá trị căn nhà cho chị T2 và cháu N. Đối với phần giá trị sửa chữa căn nhà, chị T2 chứng minh chi phí hợp pháp, chị T sẽ hoàn trả cho chị T2. Mặt khác, vào năm 2019 chị T đã bỏ ra 7.000.000 đồng để mua tôn lợp lại, nên có công sức đóng góp bảo dưỡng, nên chị T yêu cầu được nhận căn nhà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Mạc Thị Thanh T2 trình bày:

Chị T2 thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ nhân thân là đúng. Cụ T5 và cụ T6 chết không để lại di chúc. Cụ T5 và cụ T6 để lại di sản là quyền sử dụng thửa đất 192 và căn nhà cấp 4 gắn liền thửa đất 192. Chị T2 đồng ý chia di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Nhưng chị T2 yêu cầu chia làm 04 kỷ phần. Chị T2 là người có công chăm sóc cụ T6 trước khi chết, có công sửa chữa bảo quản nhà,

đang thờ cúng cụ T5 và cụ T6, nên yêu cầu được nhận 02 kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng thửa đất 192 và căn nhà hiện có trên thửa đất 192. Chị T2 sẽ chia giá trị quyền sử dụng thửa đất 192 và giá trị căn nhà cho chị T 150.000.000 đồng và chia cho cháu N 150.000.000 đồng.

Trường hợp chia và giao quyền sử dụng đất thửa đất 192 và căn nhà gắn liền thửa đất 192 cho chị T, chị T2 yêu cầu chị T chia cho chị T2 giá trị của 02 kỷ phần là 300.000.000 đồng. Đồng thời hoàn trả cho chị T2 chi phí sửa chữa nhà là 150.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Ngọc N trình bày:

Huỳnh Ngọc N thừa nhận mối quan hệ nhân thân đúng như chị T và chị T2 trình bày. Cháu Như không ý kiến về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Trường hợp cháu N được chia thừa kế bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu và xin nhận bằng giá trị.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) đã xử:

1. Công nhận quyền sử dụng thửa đất 192 tờ bản đồ số 10 và căn nhà cấp 4 hiện có trên đất là di sản của cụ Mạc Tấn T5 và cụ Nguyễn Thị T6. Thửa đất 192 thuộc tờ bản đồ số 10, chuyển thành thửa tách 70+ 147, tờ bản đồ số 27, loại đất ở đô thị, có diện tích thực tế là 65,5m², trong đó có hành lang lộ giới là 28,4m², tọa lạc, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Mạc Thị Thanh T, chấp nhận yêu cầu phản tố của Mạc Thị Thanh T2, xử:

2.1. Chia thừa kế cho Mạc Thị Thanh T2 quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất 192 và căn nhà cấp 4 hiện có trên thửa đất 192. Thửa đất 192 thuộc tờ bản đồ số 10, chuyển thành thửa tách 70+ 147, tờ bản đồ số 27, loại đất ở đô thị, có diện tích thực tế là 65,5m², trong đó có hành lang lộ giới là 28,4m², tọa lạc, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Buộc Mạc Thị Thanh T2 chia thừa kế cho Mạc Thị Thanh T giá trị quyền sử dụng đất thửa 192 và căn nhà cấp 4 có trên thửa đất là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

2.3. Buộc Mạc Thị Thanh T2 chia thừa kế cho Huỳnh Ngọc N giá trị quyền sử dụng đất thửa 192 và căn nhà cấp 4 có trên thửa đất là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Mạc Thị Thanh T, của Huỳnh Ngọc N, chị Mạc Thị Thanh T2 có nghĩa vụ chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị Thanh T về yêu cầu chia và giao quyền sử dụng thửa đất và căn nhà hiện có trên thửa đất 192 (thửa tách 70+147) cho chị T.

4. Mạc Thị Thanh T2 có quyền đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất được chia thừa kế theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 148 của Luật đất đai.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2025 nguyên đơn chị Mạc Thị Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chia thừa kế thửa đất số 192 và căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 192 làm 03 phần, chị T đồng ý chia cho chị Mạc Thị Thanh T2 và cháu Huỳnh Ngọc N mỗi người 1/3 giá trị nhà và đất, chị yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa 192.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: công nhận cho chị T và chị T2 đồng sở hữu, sử dụng thửa đất số 192 và căn nhà gắn liền với đất, chị T và chị T2 mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho cháu N 75.000.000 đồng tiền giá trị kỷ phần.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 19/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long) tuyên án sơ thẩm, đến ngày 29/6/2025 chị Mạc Thị Thanh T kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo Tuyền đúng về hình thức, nội dung và chị đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất trình bày:

Về hàng thừa kế: vợ chồng ông Mạc Tấn T5 (chết ngày 24/12/2021) và bà Nguyễn Thị T6 (chết ngày 11/3/2013) có tất cả 03 người con, gồm: Mạc Thị Thanh T (nguyên đơn), Mạc Thị Thanh T2 (bị đơn) và Mạc Thị Thanh L. Chị L chết ngày 22/6/2020 có chồng tên Huỳnh Tấn T7 chết ngày 22/01/2021, có một người con duy nhất là Huỳnh Ngọc N sinh năm 2008. Ông T5 và bà T6 không có con riêng, không con nuôi, cha mẹ đều đã chết. Như vậy, hàng thừa kế của ông T5 và bà T6 gồm 03 người: chị T, chị T2 và chị N.

Ông T5 và bà T6 chết không để lại di chúc, để lại di sản gồm: quyền sử dụng đất thửa đất 192, tờ bản đồ số 10, (nay là thửa tách 70 + 147, tờ bản đồ số 27), loại đất ở đô thị, diện tích thực tế 65,5m², trong đó có hành lang lộ giới là 28,4m², tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà gắn liền với đất, giá trị căn nhà bằng 200.000.000 đồng, giá trị quyền sử dụng đất bằng 400.000.000 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận thống nhất với nhau về việc phân chia di sản thừa kế.

Xét, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên sửa lại án phí sơ thẩm, buộc chị T và chị T2 mỗi người chịu 11.250.000 đồng, buộc cháu N chịu 7.500.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đều có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long).

Áp dụng các điều: 468, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều: 26, 31, 131 Luật đất đai năm 2024; các điều: 26, 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chia cho chị Mạc Thị Thanh T2 và chị Mạc Thị Thanh T được quyền sở hữu, sử dụng chung thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 65,5m², mục đích sử dụng đất ODT, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 (tư liệu BĐ ĐCCQ là tách thửa 70 + 147, tờ bản đồ 27), xã L, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà gắn liền với thửa đất 192. Sơ đồ, vị trí thửa đất căn cứ theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai kèm theo.

Chị Mạc Thị Thanh T2 và chị Mạc Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

2. Buộc chị Mạc Thị Thanh T, chị Mạc Thị Thanh T2 mỗi người trả cho Huỳnh Ngọc N 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) tiền giá trị kỷ phần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí sơ thẩm:

Buộc chị Mạc Thị Thanh T chịu 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.616.000 đồng theo biên lai thu số 0001135 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Vĩnh Long). Chị T còn phải nộp thêm 5.634.000 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Buộc chị Mạc Thị Thanh T2 chịu 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001987 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Vĩnh Long). Chị T2 còn phải nộp thêm 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc Huỳnh Ngọc N chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001988 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Vĩnh Long). Huỳnh Ngọc N còn phải nộp thêm 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

4. Án phí phúc thẩm: hoàn trả chị Mạc Thị Thanh T 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000025 ngày 10/7/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Vĩnh Long).

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: chi phí tố tụng, không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Chi

Đặng Duy Mỹ Ngọc Lâm Triệu Hữu